

BỘ QUỐC PHÒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /TTr-BQP

Hà Nội, ngày tháng năm 2023

DỰ THẢO LẦN 2

TỜ TRÌNH

Dự án Luật Phòng không nhân dân

Kính gửi: Chính phủ

Thực hiện Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và Nghị quyết số 89/2023/QH15 ngày 02/6/2023 của Quốc hội về Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2024, điều chỉnh Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2023; Nghị quyết số 793/NQ-UBTVQH15 ngày 07/6/2023 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc thực hiện Nghị quyết của Quốc hội về Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2024, điều chỉnh Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2023; Quyết định số 805/QĐ-TTg ngày 06/7/2023 của Thủ tướng Chính phủ phân công cơ quan chủ trì soạn thảo, thời hạn trình các dự án luật được điều chỉnh trong Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2023 và các dự án luật thuộc Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2024. Bộ Quốc phòng trình Chính phủ dự án Luật Phòng không nhân dân, như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH LUẬT PHÒNG KHÔNG NHÂN DÂN

1. Cơ sở chính trị

Những năm qua Đảng, Nhà nước đã có nhiều chủ trương, chính sách về bảo vệ Tổ quốc, xây dựng nền quốc phòng toàn dân, thế trận quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh nhân dân trong tình hình mới, trong đó có phòng không nhân dân, cụ thể:

- Nghị quyết số 28-NQ/TW ngày 22/9/2008 của Bộ Chính trị khóa X và Chỉ thị số 07-CT/TW ngày 03/10/2011 của Ban Bí thư khoá XI về tiếp tục xây dựng tinh, thành phố trực thuộc Trung ương thành khu vực phòng thủ vững chắc trong tình hình mới đã xác định mục tiêu “Xây dựng khu vực phòng thủ có tiềm lực và sức mạnh toàn diện, ngăn ngừa, làm thất bại âm mưu và hoạt động “diễn biến hoà bình”, gây bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch; giữ vững ổn định chính trị, môi trường hoà bình để phát triển kinh tế - xã hội...; xử lý có hiệu quả các tình huống về quốc phòng, an ninh; giữ vững chủ quyền biển, đảo, sẵn sàng đánh thắng chiến tranh xâm lược, bảo vệ vững chắc từng địa phương trong mọi tình huống, góp phần bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa”;

Với quan điểm chỉ đạo: “Xây dựng và tổ chức hoạt động của khu vực phòng thủ bằng sức mạnh tổng hợp, do toàn dân tham gia, các lực lượng vũ trang địa phương làm nòng cốt. Phát huy sức mạnh tại chỗ để chủ động, đủ sức

tự xử lý thắng lợi các tình huống về quốc phòng, an ninh xảy ra trên địa bàn; thực hiện xã giữ xã, huyện giữ huyện, tỉnh giữ tỉnh... ”;

“Khu vực phòng thủ được xây dựng vững mạnh toàn diện, cả về tiềm lực, lực lượng và thế trận, trên các mặt chính trị, tư tưởng, kinh tế, văn hoá, xã hội, quốc phòng, an ninh và đối ngoại. Trong đó phát triển kinh tế là trung tâm, xây dựng Đảng là then chốt, xây dựng, củng cố quốc phòng, an ninh là nhiệm vụ trọng yếu thường xuyên; lấy xây dựng thế trận lòng dân vững chắc, xây dựng xã, phường, thị trấn vững mạnh toàn diện làm nền tảng, gắn bó chặt chẽ liên hoàn với các thành phần thế trận của khu vực phòng thủ cấp huyện, cấp tỉnh”.

- Nghị quyết số 28-NQ/TW ngày 25/10/2013 của Ban Chấp hành Trung ương về Chiến lược bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới, xác định rõ và đồng bộ phương hướng, mục tiêu, quan điểm, yêu cầu, nhiệm vụ và các giải pháp chủ yếu về xây dựng khu vực phòng thủ: “Tiếp tục điều chỉnh bố trí chiến lược lực lượng quân đội đáp ứng yêu cầu phòng thủ đất nước”; “Nâng cao chất lượng xây dựng các khu vực phòng thủ tỉnh, thành phố vững chắc toàn diện...”.

- Nghị quyết số 24-NQ/TW ngày 16/4/2018 của Bộ Chính trị khóa XII về Chiến lược Quốc phòng Việt Nam xác định: “Phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị và toàn dân, toàn diện, bảo vệ vững chắc hoà bình, giữ vững chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ mà không phải tiến hành chiến tranh; kết hợp chặt chẽ phát triển kinh tế với bảo đảm quốc phòng, an ninh... Huy động, sử dụng có hiệu quả các nguồn lực xã hội; tăng cường tiềm lực quốc phòng và an ninh; xây dựng thế trận lòng dân vững chắc.... Xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân vững trên cả nước, mạnh ở trọng điểm. Chuẩn bị tốt, sẵn sàng chuyển đất nước từ thời bình sang thời chiến”.

- Kết luận số 31-KL/TW ngày 16/4/2018 của Bộ Chính trị về Chiến lược Quân sự Việt Nam xác định mục tiêu là: “... Chủ động bảo vệ Tổ quốc từ sớm, từ xa, từ khi nước chưa lâm nguy; giữ vững ổn định chính trị và môi trường hoà bình để xây dựng và phát triển đất nước; xây dựng lực lượng và thế trận quốc phòng toàn dân gắn với lực lượng và thế trận an ninh nhân dân trong thời bình ngày càng vững chắc đáp ứng yêu cầu bảo vệ Tổ quốc; phát huy sức mạnh tổng hợp của chiến tranh nhân dân đánh bại mọi hình thái chiến tranh xâm lược...”.

- Nghị quyết số 33-NQ/TW ngày 28/9/2018, Bộ Chính trị khóa XII về Chiến lược Bảo vệ biên giới quốc gia đã xác định nhiệm vụ, giải pháp là: “Xây dựng khu vực phòng thủ tỉnh, thành phố biên giới vững mạnh về mọi mặt, liên kết chặt chẽ với các khu vực phòng thủ tỉnh, thành phố nội địa, làm nền tảng xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân, thế trận an ninh nhân dân, thế trận biên phòng toàn dân vững chắc”.

- Kết luận số 64-KL/TW ngày 30/10/2019 của Bộ Chính trị Khóa XII về tiếp tục xây dựng các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thành khu vực phòng thủ vững chắc trong tình hình mới xác định nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm là: “Phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị, của các cấp,

- Nghị quyết Đại hội lần thứ XIII của Đảng, xác định tiếp tục: “*Củng cố tăng cường thể trận quốc phòng toàn dân gắn với thể trận an ninh nhân dân vững chắc*”.

Tại các Nghị quyết, Kết luận của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị như trên đã đặt ra yêu cầu tiếp tục nâng cao hiệu quả tổ chức hoạt động của khu vực phòng thủ trong đó có lực lượng PKND, xây dựng nền quốc phòng toàn dân vững mạnh toàn diện, phát huy sức mạnh tổng hợp của đất nước để bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc.

2. Cơ sở pháp lý

- Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2013 quy định: “*Quyền con người, quyền công dân chỉ có thể bị hạn chế theo quy định của luật trong trường hợp cần thiết vì lý do quốc phòng, an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội, đạo đức xã hội, sức khỏe của cộng đồng*” (khoản 2 Điều 14). Đồng thời khẳng định việc “*Bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa là sự nghiệp của toàn dân. Nhà nước củng cố và tăng cường nền quốc phòng toàn dân và an ninh nhân dân mà nòng cốt là lực lượng vũ trang nhân dân; phát huy sức mạnh tổng hợp của đất nước để bảo vệ vững chắc Tổ quốc, góp phần bảo vệ hòa bình ở khu vực và trên thế giới. Cơ quan, tổ chức, công dân phải thực hiện đầy đủ nhiệm vụ quốc phòng và an ninh*” (Điều 64). Do đó, việc huy động các tổ chức, cá nhân (ngoài lực lượng vũ trang) và Nhân dân tham gia các hoạt động PKND như phục vụ chiến đấu (đào đắp công sự, trận địa, bảo đảm giao thông vận tải, tải đạn, tiếp lương thực, thực phẩm...), khắc phục hậu quả (như cứu hỏa, cứu thương, cứu sập khi địch đánh phá vào trận địa phòng không) và tham gia công tác quản lý, bảo vệ vùng trời, quan sát, phát hiện, thông báo, báo động PKND... sẽ liên quan quyền con người, quyền công dân mà theo quy định của Hiến pháp năm 2013 phải được quy định trong luật liên quan.

- Luật Quốc phòng năm 2018 quy định: “*Xây dựng phòng thủ quân khu, khu vực phòng thủ vững chắc toàn diện, hợp thành phòng thủ đất nước; củng cố, tăng cường tiềm lực quốc phòng, an ninh ở các vùng chiến lược, trọng điểm, biển, đảo, khu vực biên giới, địa bàn xung yếu; xây dựng thể trận quốc phòng toàn dân gắn với thể trận an ninh nhân dân trong phạm vi cả nước*” (điểm đ khoản 2 Điều 7).

- Luật Dân quân tự vệ năm 2019 quy định: “*Dân quân tự vệ phối hợp với các đơn vị Quân đội nhân dân, Công an nhân dân và lực lượng khác trên địa bàn bảo vệ chủ quyền, an ninh biên giới quốc gia, hải đảo, vùng biển, vùng trời Việt Nam; tham gia xây dựng nền quốc phòng toàn dân, khu vực phòng thủ, bảo vệ an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội, đấu tranh phòng, chống tội phạm và vi phạm pháp luật theo quy định của pháp luật*” (khoản 2 Điều 5); “*tham gia xây dựng cơ sở vững mạnh toàn diện, khu vực phòng thủ, nền quốc phòng toàn dân, thể trận quốc phòng toàn dân gắn với xây dựng nền an ninh nhân dân, thể trận an ninh nhân dân ở địa phương*” (khoản 3 Điều 29); “*Bảo vệ*

chủ quyền, an ninh biên giới quốc gia, hải đảo, vùng biển, vùng trời Việt Nam” (điểm a khoản 1 Điều 31). Trong đó, PKND là một nội dung gắn liền với công tác quốc phòng, quân sự, được xây dựng, tổ chức hoạt động trong khu vực phòng thủ, chịu sự quản lý, chỉ huy của cơ quan quân sự địa phương, có nhiệm vụ quản lý, bảo vệ vùng trời ở độ cao dưới 5.000m và thực hiện các nhiệm vụ công tác PKND theo quy định của pháp luật; do vậy, cụ thể hoá quy định về PKND trong một Luật chuyên ngành là cần thiết.

- Trong chiến tranh giải phòng: Nhằm bảo toàn tiềm lực đất nước, giữ vững, duy trì sự ổn định kinh tế, chính trị, xã hội trước các hoạt động đánh phá ác liệt của kẻ thù, ngày 25/7/1963, Hội đồng Chính phủ ban hành Nghị định số 112/CP về việc Tổ chức công tác PKND; ngày 02/4/1964, Thủ tướng Chính phủ ban hành Chỉ thị số 24/TTg về công tác PKND; ngày 25/5/1964, Hội đồng Chính phủ ban hành Chỉ thị số 79-CP quy định những biện pháp cơ bản về công tác PKND; ngày 24/6/1964, Hội đồng Chính phủ ban hành Nghị quyết số 100-CP về công tác PKND; ngày 23/12/1964, Hội đồng Chính phủ ban hành Quyết định số 184/CP về việc thành lập Ủy ban PKND Trung ương; ngày 24/12/1964, Hội đồng Chính phủ ban hành Chỉ thị số 185-CP về việc tăng cường công tác PKND; ngày 14/02/1965, Thủ tướng Chính phủ ban hành Chỉ thị số 15-TTg/NC về những vấn đề cấp bách về công tác PKND; ngày 23/5/1965, Thủ tướng Chính phủ ban hành Chỉ thị số 21-TTg/NC về việc sơ tán Nhân dân ở các thành phố, thị xã đề phòng địch bắn phá.

- Trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa, Đảng, Nhà nước, Chính phủ luôn quan tâm chỉ đạo nghiên cứu ban hành các văn bản quy phạm pháp luật về PKND, như: Nghị định số 65/2002/NĐ-CP ngày 01/7/2002 của Chính phủ về công tác PKND; Quyết định số 05/2003/QĐ-TTg ngày 08/01/2003 của Thủ tướng Chính phủ về việc Thành lập Ban Chỉ đạo PKND Trung ương. Nghị định số 74/2015/NĐ-CP ngày 09/9/2015 của Chính phủ về PKND (*thay thế Nghị định số 65/2002/NĐ-CP ngày 01/7/2002 của Chính phủ về công tác PKND*); Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 2480/QĐ-TTg ngày 30/12/2015 về việc thành lập Ban Chỉ đạo PKND Trung ương và quy định chức năng, nhiệm vụ quyền hạn của Ban Chỉ đạo PKND các cấp (*thay thế Quyết định số 05/2003/QĐ-TTg ngày 08/01/2003 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Ban Chỉ đạo công tác PKND Trung ương*); Nghị định số 36/2008/NĐ-CP ngày 28/3/2008 của Chính phủ về quản lý tàu bay không người lái và các phương tiện bay siêu nhẹ; Nghị định số 125/2015/NĐ-CP ngày 04/12/2015 của Chính phủ về quản lý hoạt động bay; Nghị định số 32/2016/NĐ-CP ngày 06/5/2016 của Chính phủ quy định về quản lý độ cao chướng ngại vật hàng không và các trận địa quản lý, bảo vệ vùng trời tại Việt Nam; Nghị định số 21/2019/NĐ-CP ngày 22/02/2019 của Chính phủ về khu vực phòng thủ; Quyết định số 18/2020/QĐ-TTg ngày 10/6/2020 của Thủ tướng

Chính phủ về việc thiết lập khu vực cấm bay, khu vực hạn chế bay đối với tàu bay không người lái và các phương tiện bay siêu nhẹ. Bộ trưởng Bộ Quốc phòng ban hành: Thông tư số 06/2016/TT-BQP ngày 23/01/2016 hướng dẫn thực hiện Nghị định số 74/2015/NĐ-CP (*thay thế Thông tư 118/2004/TT-BQP ngày 07/9/2004 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng hướng dẫn thực hiện Nghị định số 65/2002/NĐ-CP ngày 01/7/2002 của Chính phủ về công tác PKND*); Thông tư số 110/2016/TT-BQP ngày 09/8/2016 về việc quy định các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trọng điểm PKND (*thay thế Quyết định số 184/2005/QĐ-BQP ngày 28/11/2005 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng về việc quy định các vùng, tỉnh, thành phố trọng điểm PKND*). Các văn bản pháp luật trên có quy định liên quan đến hoạt động PKND nhưng chỉ áp dụng cho từng lĩnh vực cụ thể, chưa có tính bao quát, thống nhất, toàn diện đến PKND, do đó đặt ra yêu cầu tạo lập khung pháp lý đầy đủ, toàn diện cho hoạt động PKND.

3. Cơ sở thực tiễn

a) Trong chiến tranh phá hoại bằng không quân và hải quân của đế quốc Mỹ ở miền Bắc, địch đã sử dụng nhiều phương tiện chiến tranh hiện đại, cùng với nhiều loại bom, đạn có sức hủy diệt lớn, hòng phá hoại tiềm lực, ý chí, quyết tâm chiến đấu của quân và dân ta, ngăn chặn sự chi viện của hậu phương. Song, dưới sự lãnh đạo của Đảng, quân và dân miền Bắc đã chủ động, tích cực tổ chức các hoạt động PKND, như: Tuyên truyền, giáo dục nâng cao ý thức, trách nhiệm và kiến thức phòng không; thông báo, báo động và sơ tán, phòng tránh; phát động toàn dân tham gia chiến đấu, phục vụ chiến đấu, khắc phục hậu quả chiến tranh. Trong đó, nổi bật là xây dựng thế trận PKND rộng khắp, liên hoàn, vững chắc cả trên không, trên mặt đất và vận dụng chặt chẽ hai phương thức cơ bản là chủ động phòng, tránh bảo toàn tiềm lực đất nước, duy trì mọi hoạt động chính trị, kinh tế, xã hội trong điều kiện chiến tranh¹ và kiên quyết chiến đấu tiêu diệt

¹Trong chiến dịch 12 ngày đêm "Hà Nội-Điện Biên Phủ trên không" tháng 12 năm 1972, Hà Nội đã sơ tán khẩn cấp 2/3 số dân ra khỏi nội thành. Trong đó có 10 vạn người được phân tán khẩn cấp chỉ trong vòng có 2 ngày. Ở Hải phòng, chỉ qua một đêm đã sơ tán khẩn cấp được 20.000 người ra khỏi khu vực Hạ Lý, Thượng Lý trước khi địch đến đánh phá hủy diệt hai khu vực mục tiêu này. Thành phố Nam Định trong 2 giờ phân tán khẩn cấp được 5.000 người ra khỏi khu vực mục tiêu địch đến đánh phá. Phân tán tại chỗ áp dụng cho những người phải bám trụ ở lại trên địa bàn. Khu gang thép Thái Nguyên trong những năm chiến tranh ở đây có 1.800 người ở lại trực tiếp sản xuất, song nhờ tổ chức phân tán khẩn cấp tại chỗ tốt, sau 13 trận đánh phá ác liệt của địch chỉ bị thương vong có 1,7%. Trong sơ tán, Nhà máy Cơ khí Hà Nội đã phải tháo rời di chuyển 1385 tấn máy móc thiết bị đến 16 địa bàn khác nhau để triển khai sản xuất. Thực tế trong chiến tranh phá hoại, chưa hề có một nhà máy xí nghiệp nào, cơ quan trường học nào bị địch phát hiện đánh phá ở nơi sơ tán. Đây là một thành công vô cùng to lớn của công tác PKND. Trong Hội đồng PKND Trung ương cũng đã tổ chức ra Ban Chỉ đạo sơ tán Trung ương do đồng chí Trần Hữu Dực Bộ trưởng Phủ Thủ tướng làm Trưởng ban để chỉ đạo chung. Trong kế hoạch dự phòng khi nhà máy Điện Yên Phụ bị địch đánh hỏng, phải lập tức chuyển tải điện từ Thái Nguyên và Ưông Bí về bảo đảm điện cho Hà Nội. Do vậy trong suốt chiến tranh phá hoại việc bảo đảm điện cho Hà Nội vẫn luôn luôn được duy trì. Hội đồng PKND thành phố Hà Nội đã chỉ đạo khoan 100 giếng bơm tay, đào 1500 giếng khơi ở các khu vực đông dân cư đảm bảo nước sinh hoạt bình thường cho hơn 20 vạn người.

sinh lực địch, làm hạn chế tối đa các hoạt động đánh phá của chúng², góp phần hết sức quan trọng vào thắng lợi của hai cuộc chống chiến tranh phá hoại miền Bắc; đặc biệt là trong chiến dịch phòng không tháng 12 năm 1972 với Chiến thắng lịch sử “*Hà Nội - Điện Biên phủ trên không*”, tổng kết chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ quân và dân miền Bắc đã bắn rơi 4.181 máy bay các loại; trong đó, lực lượng dân quân tự vệ bắn rơi 424 máy bay. Đây là minh chứng khẳng định PKND là một bộ phận của chiến tranh nhân dân Việt Nam, là một nội dung quan trọng trong xây dựng nền quốc phòng toàn dân, đồng thời là một hình thức hoạt động phòng không trên mặt trận đối không do toàn dân tiến hành dưới sự lãnh đạo của Đảng, sự điều hành thống nhất của Chính phủ, sự chỉ đạo, điều hành trực tiếp của Ban Chỉ đạo công tác PKND các cấp từ trung ương đến địa phương.

b) Trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc hiện nay, PKND là một nội dung quan trọng của công tác quốc phòng, quân sự; được xây dựng, tổ chức hoạt động trong khu vực phòng thủ, là một bộ phận của thế trận quốc phòng toàn dân trên mặt trận đối không nhằm thực hiện phòng, tránh, đánh địch đột nhập, tiến công đường không của địch và phục vụ chiến đấu, khắc phục hậu quả trận chiến đấu; bảo vệ Đảng, chính quyền, tài sản của Nhà nước, cơ quan, tổ chức, nhà máy, xí nghiệp, doanh nghiệp, tính mạng và tài sản của Nhân dân, góp phần xây dựng khu vực phòng thủ vững mạnh, bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc. Với sự quan tâm của Đảng và Nhà nước, lực lượng PKND đã từng bước được củng cố về tổ chức, biên chế, vũ khí, trang bị kỹ thuật của bộ đội địa phương, dân quân tự vệ; lực lượng nòng cốt PKND thường xuyên duy trì nền nếp huấn luyện, sẵn sàng chiến đấu, tạo chuyên biến mạnh mẽ trong xây dựng thế trận phòng không liên hoàn, rộng khắp, vững chắc, có chiều sâu, bảo vệ vững chắc vùng trời của Tổ quốc.

²Với phương châm vừa sản xuất vừa chiến đấu, vừa chiến đấu vừa sản xuất Trong tổng số 4.181 máy bay Mỹ bị bắn rơi trên Miền Bắc, lực lượng DQTV đã bắn rơi 424 máy bay với 20 kiểu loại khác nhau, trong đó có cả máy bay hiện đại nhất cường kích của Mỹ là F111A. Trong 153 máy bay bị bắn rơi bằng súng bộ binh có 30 máy bay bị bắn rơi bằng súng trường. Đặc biệt có trận đánh của dân quân dân tộc Mèo Phù Yên, Nghĩa Lộ bắn rơi F105, ngày 20/10/1965, trận đánh của dân quân người Vân Kiều Vĩnh Linh bắn rơi máy bay AD-6 ngày 27/12/1967. Dân quân xã Mường Do huyện Phù Yên, Nghĩa Lộ bắn rơi F111A ngày 24/6/1972, Dân quân xã Tiên Châu, Yên Lãng, Vĩnh Phú bắn rơi F11A đêm 17/10/1972, Trung đội tự vệ nhà máy Liên Cơ Hà Nội phục kích bắn rơi F111A đêm 22/12/1972. Trung đội dân quân gái huyện An Lão – Hải Phòng, Trung đội dân quân gái xã Hoa Lộc – Hậu Lộc – Thanh Hoá. Trung đội Lão dân quân xã Hoàng Trường, Hoàng Hoá - Thanh Hoá đã bắn rơi máy bay AD-6 ngày 14/10/1967. Thực hiện nhiệm vụ vây bắt giặc lái của tự vệ và nhân dân khu phố Thụy Khuê ngày 19/5/1967 đã bắt gọn hai giặc lái Trung tá Gơ-líp -phin và Thiếu tá Un-to-đen-plin trong vòng vài chục phút ngay giữa lòng Thủ đô Hà Nội; dân quân và nhân dân khu vực Phù Lỗ Đông Anh đêm 18/12/1972 cũng bắt gọn giặc lái B52 ngay cửa ngõ Thủ đô; quân dân huyện Lương Sơn Hoà Bình trong đêm ngày 20/12/1972 đã kiên trì kéo dài hai ngày hai đêm, mãi đến ngày 24/12/1972 mới bắt sống được tên giặc lái chiếc máy bay F111A do Tự vệ Hà Nội bắn rơi đêm 20/12/1972. Đối với công tác khắc phục hậu quả, ngày 21/8/1967, lực lượng cứu sập tại chỗ của phố Huế đã nhanh chóng tìm kiếm, cứu được 125 người bị thương do sập hầm và 48 người chết; cứu sập đêm 21/12/1972 tại bệnh viện Bạch Mai, cứu sập đêm 26/12/1972 tại khu phố Khâm Thiên, đã nhanh chóng tìm kiếm, cứu được 60 người đưa đi cứu chữa. Lực lượng cứu sập cơ động của các cấp, các khu phố lân cận đã đến hỗ trợ kịp thời, tìm kiếm được 250 người bị thương và 287 người bị chết.

c) Trước sự phát triển của Cuộc cách mạng công nghiệp 4.0, các loại vũ khí công nghệ cao³ được nghiên cứu, thiết kế, chế tạo với ưu việt nhảy vọt về chất lượng và tính năng kỹ chiến thuật; trong đó, các loại vũ khí tiến công đường không như: Tàu bay không người lái, phương tiện bay siêu nhẹ UAV ngày càng được sử dụng rộng rãi ngay từ giai đoạn đầu và trong suốt cuộc chiến tranh, làm thay đổi phương thức tác chiến truyền thống; thậm chí, bằng tác chiến đường không, có thể nhanh chóng kết thúc cuộc chiến. Đối với nước ta trong những năm qua, việc khai thác, sử dụng tàu bay không người lái, phương tiện bay siêu nhẹ vào các lĩnh vực đời sống xã hội tương đối phổ biến, đa dạng. Tuy nhiên, các vụ việc vi phạm của phương tiện bay siêu nhẹ (Flycam) ngày càng diễn biến phức tạp, tiềm ẩn nhiều nguy cơ đe dọa đến quốc phòng, an ninh, uy hiếp đến an toàn hàng không. Để ứng phó kịp thời, hiệu quả với các nguy cơ do phương tiện bay siêu nhẹ vi phạm gây ra hoặc sử dụng các phương tiện bay siêu nhẹ chống phá Đảng, Nhà nước, Quân đội của các thế lực thù địch, phản động, việc xây dựng lực lượng PKND vững mạnh, đáp ứng yêu cầu cao của nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc đòi hỏi phải triển khai nhiều giải pháp đồng bộ; trong đó có việc khẩn trương hoàn thiện cơ sở pháp lý đối với công tác PKND là cần thiết.

d) Qua nghiên cứu các cuộc chiến tranh, xung đột vũ trang gần đây trên thế giới cho thấy, tiến công đường không đang là phương thức tác chiến chủ yếu, nhằm phá hủy tiềm lực kinh tế - chính trị, làm lung lay ý chí chiến đấu của đối phương, tiến tới gây sức ép để nhanh chóng đạt mục đích của cuộc chiến tranh⁴. Đặc biệt là sự xuất hiện của các phương tiện bay không người lái (UAV) đã làm thay đổi cơ bản cục diện trên chiến trường; trong đó, phương tiện bay không người lái được sử dụng thực hiện nhiều nhiệm vụ ngay từ đầu và trong suốt cuộc chiến tranh, hoạt động ở các độ cao khác nhau để tiến công các mục tiêu quân sự, kinh tế, chính trị rất hiệu quả. Bên cạnh đó một số quốc gia trên thế giới đã và đang nghiên cứu, chế tạo và đưa vào sử dụng trong hoạt động quân sự, tạo ra sự thay đổi khó lường về phương thức, quy mô, phạm vi, không gian, thời gian, môi trường, lực lượng và thủ đoạn tác chiến... để tiến hành chiến tranh với tính linh hoạt và khả năng huỷ diệt cao⁵. Xuất phát từ những lý do trên, để có cơ sở xây dựng lực lượng PKND mạnh, thế trận PKND vững chắc đủ khả năng quan sát phát hiện, thông báo báo động địch sớm, từ xa; chủ động tiêu diệt địch từ nhiều hướng, từ xa đến gần, việc ban hành Luật PKND là yêu cầu tất yếu, khách quan và cấp bách; đáp ứng với thực tiễn sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới.

³ Thực tiễn các cuộc chiến tranh công nghệ cao gần đây (chiến tranh vùng Vịnh (1991); Irắc (1998); Nam Tư (1999); Apganixtan (2001); cuộc tấn công quân sự của Mỹ, Anh, Pháp vào Syria (2018) và gần đây là xung đột vũ trang Nga - Ukraine cho thấy: Không còn phân biệt tiền tuyến, hậu phương, phía trước, phía sau, diễn ra toàn diện trên bộ, trên không, trên biển..., với đa dạng các loại hình và thủ đoạn tác chiến; hoạt động trong mọi điều kiện thời tiết; không phân biệt đêm, ngày và giảm thiểu tối đa tổn thất về con người.

⁴ Như chiến tranh phi quy ước, chiến tranh ủy nhiệm, chiến tranh thông tin, chiến tranh không gian mạng và việc sử dụng vũ khí công nghệ cao, tác chiến điện tử, tác chiến không gian mạng...

⁵ Như việc sử dụng UAV trinh sát, chỉ thị mục tiêu, vừa trinh sát vừa tiến công, UAV cảm tử...

đ) Kết quả tổng kết thi hành pháp luật về PKND đã chỉ ra một số vướng mắc, bất cập trong thực tiễn và nội dung chưa đồng bộ, thống nhất trong hệ thống văn bản quy phạm pháp luật, như: Pháp luật chưa quy định việc tổ chức xây dựng lực lượng PKND trong các nhà máy, xí nghiệp, doanh nghiệp, các công trình năng lượng lớn của quốc gia. Một số cơ chế, chính sách chưa được điều chỉnh hoặc điều chỉnh chưa đầy đủ đến tổ chức, hoạt động của công tác PKND, công tác bảo đảm cho hoạt động PKND còn nhiều bất cập. Việc đầu tư xây dựng thể trận PKND chưa sát với thực tế, hình thái chiến tranh hiện nay, có nội dung thiếu tính khả thi, chưa đáp ứng được với yêu cầu của công tác PKND trong tình hình mới. Nhất là việc quản lý tàu bay không người lái, phương tiện bay siêu nhẹ, quản lý độ cao chướng ngại vật hàng không; độ cao giới hạn xung quanh các trận địa quản lý, bảo vệ vùng trời tại Việt Nam. Những bất cập đó đang đặt ra yêu cầu cao phải có quy định của pháp luật để điều chỉnh cho phù hợp, như: quy định cụ thể về quản lý về điều kiện, tiêu chuẩn, thủ tục đầu tư; thiết kế, sản xuất, sửa chữa, bảo dưỡng, thử nghiệm, sử dụng tàu bay không người lái, phương tiện bay siêu nhẹ; khoảng cách cự ly, độ cao các công trình liền kề, tiếp giáp trận địa phòng không...; tuy nhiên, việc quản lý các hoạt động nêu trên sẽ liên quan đến hạn chế quyền con người, quyền công dân theo quy định của Hiến pháp năm 2013.

Thực hiện Nghị quyết số 05-NQ/TW ngày 17/01/2022 của Bộ Chính trị về tổ chức Quân đội nhân dân Việt Nam giai đoạn 2021-2030 và những năm tiếp theo đã khẳng định việc xây dựng lực lượng bán thường trực hùng hậu cả về số lượng, chất lượng để sẵn sàng huy động lực lượng đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ mà Đảng, Nhà nước giao cho Quân đội là nhiệm vụ chiến lược, lâu dài trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Từ những cơ sở thực tiễn trên, việc xây dựng, ban hành Luật PKND là rất cần thiết, nhằm đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới.

II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG DỰ ÁN LUẬT

1. Mục đích

a) Hoàn thiện cơ sở pháp lý, bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ và nâng cao hiệu quả pháp lý của hệ thống pháp luật về xây dựng, huy động, tổ chức hoạt động PKND, quản lý tàu bay không người lái, phương tiện bay siêu nhẹ, tiến hành các biện pháp bảo đảm an toàn phòng không. Nâng cao năng lực về công tác PKND, góp phần củng cố quốc phòng, an ninh trong tình hình mới và hội nhập quốc tế.

b) Xây dựng nền quốc phòng toàn dân vững mạnh toàn diện, phát huy sức mạnh tổng hợp của đất nước để bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc, bảo vệ Đảng, Nhà nước, bảo vệ Nhân dân và chế độ xã hội chủ nghĩa, giữ vững môi trường hòa bình, ổn định chính trị, trật tự, an toàn xã hội để phát triển kinh tế, xã hội.

2. Quan điểm chỉ đạo

a) Đảm bảo sự lãnh đạo tuyệt đối của Đảng; sự điều hành thống nhất của

Chính phủ; sự chỉ huy, chỉ đạo trực tiếp, toàn diện của Bộ Quốc phòng, sự phối hợp chặt chẽ, đồng bộ của các bộ, ngành trung ương và địa phương trong xây dựng, huy động, tổ chức hoạt động công tác PKND.

b) Thể chế hóa đầy đủ chủ trương, quan điểm của Đảng về nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc, nhiệm vụ quốc phòng, an ninh nêu trong Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIII; Nghị quyết Trung ương 8 (khóa IX) về Chiến lược bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới, Chiến lược quốc phòng Việt Nam.

c) Bảo đảm sự phù hợp, thống nhất với Hiến pháp năm 2013, Luật Quốc phòng năm 2018, Luật Dân quân tự vệ, Luật Lực lượng dự bị động viên, Luật Hàng không dân dụng Việt Nam, Luật Biên phòng Việt Nam, Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan.

d) Bảo đảm tính kế thừa và phát triển các quy định của pháp luật hiện hành về công tác PKND đã được thực tiễn kiểm nghiệm vẫn còn phù hợp, đồng thời bổ sung những quy định mới để giải quyết những vấn đề thực tiễn yêu cầu về công tác PKND đặt ra trong giai đoạn hiện nay và những năm tiếp theo nhưng chưa được quy định hoặc quy định chưa đầy đủ tại các văn bản quy phạm pháp luật khác nhau về PKND.

đ) Phù hợp với thực tiễn và xu thế tác chiến phòng không hiện nay; trên cơ sở giữ vững nguyên tắc độc lập chủ quyền và thống nhất toàn vẹn lãnh thổ, không để bị phụ thuộc, lệ thuộc; đồng thời phát huy được sức mạnh của cả hệ thống chính trị, nguồn lực của đất nước để xây dựng, tổ chức hoạt động PKND.

III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO LUẬT

Dự án Luật PKND xây dựng theo đúng quy trình của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, cụ thể:

- Tổ chức tổng kết, đánh giá thi hành pháp luật về PKND; lập hồ sơ đề nghị xây dựng dự án Luật, báo cáo Chính phủ trình Quốc hội thông qua tại Kỳ họp thứ 5-Tháng 5/2023 (Nghị quyết số 89/2023/QH15 ngày 02/6/2023 của Quốc hội).

- Tổ chức nghiên cứu, khảo sát, soạn thảo, gửi văn bản xin ý kiến các ban, bộ, ngành, địa phương, cơ quan, tổ chức liên quan và đăng tải trên Cổng Thông tin điện tử của Chính phủ, Cổng Thông tin điện tử của Bộ Quốc phòng để lấy ý kiến đối với hồ sơ dự án Luật. Trên cơ sở ý kiến tham gia, nghiên cứu, tiếp thu, hoàn chỉnh gửi Bộ Tư pháp thẩm định hồ sơ dự án luật theo quy định.

- Ngày/.../2023, Bộ Tư pháp có Báo cáo số/BCTĐ-BTP thẩm định hồ sơ dự án Luật PKND. Cơ quan chủ trì soạn thảo đã nghiên cứu tiếp thu, hoàn chỉnh dự án Luật, trình Chính phủ.

IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO LUẬT

1. Bố cục

Dự thảo Luật Phòng không nhân dân, gồm: 08 Chương, 52 Điều.

Chương I: Quy định chung (gồm 06 Điều, từ Điều 1 đến Điều 7).

Chương II: Xây dựng, huy động lực lượng phòng không nhân dân (gồm: 02 mục 11 Điều, từ Điều 8 đến Điều 18).

Chương III: Hoạt động PKND (gồm 09 Điều, từ Điều 19 đến Điều 27).

Chương IV: Quản lý tàu bay không người lái, các phương tiện bay siêu nhẹ và bảo đảm an toàn, hiệu quả phòng không (gồm 02 mục 10 Điều, từ Điều 28 đến Điều 37).

Chương V: Quyền, nghĩa vụ của tổ chức, doanh nghiệp và công dân đối với PKND và công tác quản lý tàu bay không người lái các phương tiện bay siêu nhẹ (gồm 04 Điều, từ Điều 38 và Điều 41).

Chương VI: Nguồn lực, chế độ chính sách và trang bị cho lực lượng PKND (gồm 03 Điều, từ Điều 42 đến Điều 44).

Chương VII: Trách nhiệm quản lý Nhà nước về PKND (gồm 06 Điều, từ Điều 45 đến Điều 50).

Chương VIII: Điều khoản thi hành (gồm 02 Điều, Điều 51 và Điều 52).

2. Nội dung cơ bản dự thảo Luật

Nội dung Luật PKND tập trung vào 05 chính sách nổi bật đã được Chính phủ và Quốc hội thông qua tại Kỳ họp thứ 5 - tháng 5/2023, gồm:

Chính sách 1: Xây dựng lực lượng phòng không nhân dân.

Chính sách 2: Huy động, hoạt động lực lượng phòng không nhân dân.

Chính sách 3: Quản lý tàu bay không người lái và các phương tiện bay siêu nhẹ.

Chính sách 4: Quy định các biện pháp bảo đảm an toàn phòng không.

Chính sách 5: Nguồn lực, chính sách bảo đảm đối với công tác PKND.

Trên cơ sở các chính sách, Dự thảo Luật PKND được xây dựng với những nội dung cơ bản sau:

a) Chương I - Quy định chung

Chương này quy định về: Phạm vi điều chỉnh; giải thích từ ngữ; nguyên tắc tổ chức hoạt động PKND; chính sách của Nhà nước về PKND; nhiệm vụ của PKND; trọng điểm PKND; hành vi bị nghiêm cấm.

b) Chương II - Xây dựng, huy động lực lượng PKND (chương này được cụ thể hoá từ chính sách 1, chính sách 2 trong hồ sơ lập đề nghị xây dựng Luật PKND)

Mục 1. Xây dựng lực lượng PKND quy định về: Thành phần lực lượng phòng không nhân dân; cơ quan chỉ đạo PKND; cơ quan chỉ huy PKND; lực lượng PKND; tổ chức lực lượng PKND.

Mục 2. Huy động lực lượng PKND quy định về: Trường hợp huy động lực lượng PKND; thời hạn huy động lực lượng PKND; độ tuổi huy động thực hiện nhiệm vụ PKND; thẩm quyền huy động lực lượng PKND; đăng ký, quản lý lực lượng huy động; trình tự tổ chức huy động lực lượng PKND.

c) Chương III - Hoạt động PKND (chương này được cụ thể hoá từ chính sách 2 trong hồ sơ lập đề nghị xây dựng dự án Luật PKND)

Chương này quy định về: Nội dung hoạt động PKND; xây dựng kế hoạch PKND; xây dựng thể trận PKND; tuyên truyền, giáo dục về PKND; tập huấn, bồi dưỡng về PKND; huấn luyện PKND; diễn tập PKND; xây dựng công trình PKND; hợp tác quốc tế về PKND.

d) Chương IV - Quản lý tàu bay không người lái, các phương tiện bay siêu nhẹ và bảo đảm an toàn phòng không (chương này được cụ thể hoá từ chính sách 3, chính sách 4 trong hồ sơ lập đề nghị xây dựng dự án Luật PKND)

Mục 1. Quản lý tàu bay không người lái, các phương tiện bay siêu nhẹ

Mục này quy định về: Nhập khẩu, xuất khẩu tàu bay không người lái, phương tiện bay siêu nhẹ; thiết kế, mua bán, sản xuất, sửa chữa, bảo dưỡng, thử nghiệm tàu bay không người lái, phương tiện bay siêu nhẹ; đăng ký, khai thác, sử dụng tàu bay không người lái, phương tiện bay siêu nhẹ; đình chỉ chuyến bay của tàu bay không người lái, phương tiện bay siêu nhẹ; tạm giữ, bắt giữ, chế áp tàu bay không người lái, phương tiện bay siêu nhẹ; tổ chức thông báo hiệp đồng bay, quản lý điều hành giám sát hoạt động bay.

Mục 2. Các biện pháp bảo đảm an toàn phòng không

Mục này quy định: Quản lý, bảo vệ trận địa phòng không, công trình phòng không; quản lý chướng ngại vật phòng không; trách nhiệm của địa phương, tổ chức, cá nhân đối với bảo đảm an toàn phòng không; tiêu chí về bảo đảm an toàn phòng không.

đ) Chương V - Quyền, nghĩa vụ của cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp và công dân đối với PKND

Chương này quy định về: Quyền và nghĩa vụ của cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp; quyền và nghĩa vụ của công dân; quyền, nghĩa vụ của cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp và cá nhân trong quản lý tàu bay không người lái, các phương tiện bay siêu nhẹ; quyền, nghĩa vụ của cơ quan quản lý nhà nước đối với tàu bay không người lái, các phương tiện bay siêu nhẹ.

e) Chương VI - Nguồn lực, chế độ chính sách và trang bị cho PKND (chương này được cụ thể hoá từ chính sách 2 trong hồ sơ lập đề nghị xây dựng dự án Luật PKND)

Chương này quy định về: Nguồn lực bảo đảm cho hoạt động PKND; chế độ, chính sách đối với người được huy động làm nhiệm vụ PKND; bảo đảm trang bị cho lực lượng PKND.

e) Chương VII - Trách nhiệm quản lý Nhà nước về PKND

Chương này quy định về: Nội dung, trách nhiệm quản lý nhà nước về PKND; trách nhiệm của Bộ Quốc phòng; trách nhiệm của bộ, ngành trung ương; trách nhiệm của chính quyền địa phương các cấp; trách nhiệm của Mặt

trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên của mặt trận; trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp.

g) Chương VIII - Điều khoản thi hành

Chương này quy định về: Sửa đổi, bổ sung một số điều của các luật có liên quan đến PKND; hiệu lực thi hành.

(Chi tiết như dự thảo lần 2 Luật Phòng không nhân dân kèm theo)

V. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC, ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM CHO VIỆC THI HÀNH VĂN BẢN SAU KHI ĐƯỢC THÔNG QUA

1. Về nguồn lực: Dự kiến kinh phí cho triển khai các nội dung theo quy định để đảm bảo thực thi Luật sau khi ban hành là từ nguồn ngân sách Trung ương, ngân sách địa phương và huy động từ các nguồn kinh phí hợp pháp khác.

2. Về điều kiện bảo đảm

a) Luật PKND được xây dựng trên cơ sở hệ thống các quy định pháp luật hiện hành; Luật hóa các quy định của Nghị định số 74/2015/NĐ-CP và các văn bản hướng dẫn thi hành trên cơ sở kế thừa những ưu điểm của Nghị định số 74/2015/NĐ-CP và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan, đồng thời khắc phục những hạn chế bất cập trong thực tiễn triển khai thực hiện, đáp ứng yêu cầu cải cách hành chính của Chính phủ, thực tiễn xây dựng, huy động, triển khai, tổ chức thực hiện nhiệm vụ PKND và đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới.

Một số quy định mới được điều chỉnh trong Luật liên quan đến xây dựng, huy động lực lượng, tổ chức hoạt động công tác PKND, nhất là nhiệm vụ tham gia quản lý, bảo vệ vùng trời ở độ cao dưới 5.000m, quản lý tàu bay không người lái, các phương tiện bay siêu nhẹ; tổ chức hoạt động công tác PKND trong các nhà máy, xí nghiệp, doanh nghiệp, các tập đoàn kinh tế lớn, các công trình năng lượng lớn của quốc gia và thực hiện nhiệm vụ phục vụ chiến đấu, khắc phục hậu quả... sẽ góp phần thiết thực trong thực hiện nhiệm vụ chiến lược xây dựng và bảo vệ Tổ quốc của lực lượng PKND.

b) Điều kiện bảo đảm cho việc thi hành văn bản sau khi được thông qua: Lực lượng PKND được xây dựng, huy động, tổ chức hoạt động theo hình thức kiêm nhiệm, trong thời bình chủ yếu xây dựng lực lượng nòng cốt do bộ đội địa phương, dân quân tự vệ, lực lượng dự bị động viên và một số thành phần của cơ quan, tổ chức đảm nhiệm, khi có tình huống chiến tranh mới huy động lực lượng từ Nhân dân; chế độ, chính sách đối với lực lượng trên sẽ được luật hóa trên cơ sở các quy định của Nghị định số 74/2015/NĐ-CP nên không phát sinh nguồn chi mới.

c) Khi thực hiện quy định về tổ chức cơ quan chỉ đạo, hệ thống chỉ huy, quản lý PKND sẽ tăng thẩm quyền, trách nhiệm của người đứng đầu chính quyền địa phương, cơ quan, đơn vị trong và ngoài Quân đội; do đó, Luật PKND không làm tăng “tổ chức bộ máy”, không tăng “biên chế công chức và số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách Nhà nước”, góp phần cải cách thủ tục hành chính, không làm phát sinh về nguồn kinh phí hoạt động so với các quy định của pháp luật hiện hành.

d) Việc quy định về công tác PKND trong các doanh nghiệp như trong dự thảo đề cương chi tiết Luật nhằm mục tiêu sử dụng lực lượng tại chỗ của doanh nghiệp để bảo vệ tài sản, con người khi có chiến tranh xảy ra, đặc biệt là các doanh nghiệp Nhà nước, các công trình năng lượng lớn của quốc gia, các tập đoàn dầu khí, các tập đoàn kinh tế Nhà nước, các nhà máy, xí nghiệp có liên quan đến sản xuất hàng quốc phòng, đây là những mục tiêu bị địch đánh phá ngay trong giai đoạn đầu chiến tranh nên Bộ Quốc phòng đánh giá là cần thiết. Đồng thời, trong thời bình chỉ tổ chức lực lượng nòng cốt (lực lượng tự vệ của doanh nghiệp) kiêm nhiệm thực hiện nhiệm vụ PKND sẽ không làm gia tăng chi phí hoạt động PKND và không ảnh hưởng nhiều đến nguồn nhân lực đang trực tiếp lao động, sản xuất của doanh nghiệp.

đ) Điều kiện bảo đảm được xác định bao gồm các nội dung như sau: (i) Ban hành các văn bản quy định chi tiết hướng dẫn thi hành Luật; (ii) Tuyên truyền, phổ biến, tập huấn Luật và các văn bản hướng dẫn thi hành; (iii) Triển khai các công tác bảo đảm nguồn lực cho PKND; (iv) Kiểm tra, thanh tra, giám sát tình hình thi hành pháp luật về PKND; (v) Tổng kết, đánh giá tình hình thi hành Luật.

VI. VẤN ĐỀ XIN Ý KIẾN (NẾU CÓ)

(Nội dung này sẽ được bổ sung trong quá trình xin ý kiến để chỉnh lý và hoàn thiện Hồ sơ dự án Luật)

Trên đây là Tờ trình dự án Luật Phòng không nhân dân, Bộ Quốc phòng kính trình Chính phủ.

(Xin gửi kèm theo: (1) dự thảo Luật Phòng không nhân dân; (2) Báo cáo thẩm định của Bộ Tư pháp; (3) Báo cáo tiếp thu ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp; (4) Báo cáo rà soát các văn bản quy phạm pháp luật liên quan; (5) Báo cáo việc lồng ghép vấn đề bình đẳng giới; (6) Báo cáo đánh giá tác động của chính sách; (7) Báo cáo tổng kết thi hành pháp luật về PKND giai đoạn 2015-2021; (8) Báo cáo kinh nghiệm nước ngoài phục vụ công tác nghiên cứu soạn thảo Luật; (9) Bản tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến của các bộ, ngành, địa phương; (10) Bản chụp văn bản tham gia ý kiến của các bộ, ngành, địa phương liên quan)./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thủ tướng Chính phủ (để báo cáo);
- Các Phó Thủ tướng Chính phủ (để báo cáo);
- Văn phòng Trung ương Đảng;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Quốc hội;
- Ủy ban Quốc phòng và An ninh của Quốc hội;
- Ủy ban Pháp luật của Quốc hội;
- Các Bộ: Quốc phòng, Tư pháp;
- VPCP: BTCN, các PCN, các Vụ: PL, CN, KTTH, NC, NN, TCCV, KGVX, KSTT;
- Lưu: VT, PKKQ. L150b.

BỘ TRƯỞNG

Đại tướng Phan Văn Giang